

Phụ lục II
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN BUÔN ĐÔN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính (ha)						
				Xã Krông Na	Xã Cuôr Knia	Xã Ea Huar	Xã Ea Wer	Xã Tân Hòa	Xã Ea Nuôl	Xã Ea Bar
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ ...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A	TỔNG DIỆN TÍCH		56,2	0,1	-	-	-	3,9	52,2	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	56,2	0,1	-	-	-	3,9	52,2	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,01	-	-	-	-	0,01	-	-
1.1.1	Đất chuyên lúa	LUC	0,01	-	-	-	-	0,01	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm	HNK	0,3	-	-	-	-	0,34	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	50,69	0,10	-	-	-	3,51	47,02	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	5,2	-	-	-	-	-	5,22	-
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-	-	-	-	-	-